

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2034/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2022

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

2/ Bà Lê Thị Nhanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5707/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: 134 ấp 2a T, huyện C, Thành phố H.

Bị đơn: Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H), sinh năm 1984; (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 11115 Petworth Houston TX 77072, USA.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án):* Bà Nguyễn Thị Xuân Th, sinh năm 2002 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1A T, huyện C, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền ngày 15/8/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Texas Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 2606 ngày 16/9/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T trình bày:

Tên khai sinh của ông Nguyen Hai H là Nguyễn Hoàng H, sau khi sang Hoa Kỳ thì đã đổi tên thành Nguyen Hai H và đã nhập quốc tịch Hoa Kỳ. Tuy nhiên, đến thời điểm ông Hải làm bản tự khai thì hộ chiếu của ông Hải hết hạn và chưa được cấp lại nên cơ quan Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Texas Hoa Kỳ yêu cầu ông Hải phải sử dụng tên khai sinh là Nguyễn

Hoàng H. bà cam kết hai tên Nguyen Hai H và Nguyễn Hoàng H là cùng một người.

Năm 2019 bà và ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 19/7/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn hai bên không chung sống với nhau do ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) phải quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Trong khoảng thời gian này hai bên có liên lạc với nhau qua điện thoại. Sau đó ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) chủ động cắt liên lạc với bà và cũng không thực hiện các thủ tục pháp lý để bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ sinh sống, bà đã nhiều lần tìm cách liên lạc với ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) nhưng không được. Khoảng thời gian đó tình hình dịch Covid 19 kéo dài và nhiều lý do chủ quan nên cả hai đã không liên lạc với nhau và cũng không quan tâm đến đời sống của nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Sau khi liên lạc được thì hai bên thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cả hai đã thống nhất ly hôn. Trên thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến đời sống của ai. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) trình bày tại bản tự khai ngày 15/8/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 2606 ngày 16/9/2022 có nội dung như sau: Ông và bà Trần Thị Mỹ T kết hôn năm 2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 19/7/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn ông thống nhất như trình bày của bà Trần Thị Mỹ T. Ông được biết bà Trần Thị Mỹ T đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ T ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Mỹ T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T, bị đơn ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) đang cư trú tại Hoa Kỳ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T, bị đơn ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T, bị đơn ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 19/7/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) trình bày:

Sau khi kết hôn hai bên không chung sống với nhau do ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) phải quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Trong khoảng thời gian này hai bên có liên lạc với nhau qua điện thoại. Sau đó ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) chủ động cắt liên lạc với bà Tiên và cũng không thực hiện các thủ tục pháp lý để bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ sinh sống, bà Tiên đã nhiều lần tìm cách liên lạc với ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) nhưng không được. Khoảng thời gian đó tình hình dịch Covid 19 kéo dài và nhiều lý do chủ quan nên không thể liên lạc với nhau và cũng không quan tâm đến đời sống của nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Sau khi liên lạc được thì hai bên thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, trên thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến đời sống của ai.

Nay bà Trần Thị Mỹ T nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H), hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) có bản tự khai ngày 15/8/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Texas Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 2606 ngày 16/9/2022, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ T.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Trên thực tế vợ chồng bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) đã không còn chung sống với nhau, không có điều kiện thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng với nhau dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Mỹ T xin ly hôn và ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) xác định không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H) được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyen Hai H (Nguyễn Hoàng H)

2/ Về con chung : Không có

3/ Về tài sản và nợ chung: Không có

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị Mỹ T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Trần Thị Mỹ T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002544 ngày 30/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Bà Trần Thị Mỹ T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Nguyễn Hai H (Nguyễn Hoàng H) được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương